

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ NGOẠI NGỮ
Mã học phần: LTA31031 Số tín chỉ: 02
Dùng cho các ngành: Ngành Ngôn ngữ Anh
Học phần: Tự chọn
Hình thức đào tạo: Trực tiếp/Trực tuyến
Đơn vị phụ trách: Khoa Ngoại ngữ

1. Mô tả chung về học phần:

Môn học được xây dựng nhằm cung cấp cho học viên kiến thức tổng quát về các khái niệm căn bản và các chủ điểm chính trong lĩnh vực kiểm tra đánh giá năng lực ngôn ngữ cũng như phát triển năng lực lựa chọn, điều chỉnh, thiết kế và thẩm định công cụ kiểm tra đánh giá phù hợp với mục tiêu và bối cảnh giảng dạy của mình. Nội dung môn học bao gồm một số chủ đề như: bản chất, mục đích và các loại hình kiểm tra đánh giá, các lý thuyết, nguyên tắc và khái niệm cơ bản trong kiểm tra đánh giá lực ngoại ngữ (độ giá trị, độ tin cậy, đánh giá theo chuẩn, đánh giá theo tiêu chí, v.v.), các bước thiết kế và xây dựng công cụ kiểm tra đánh giá, các bước tiến hành kiểm tra đánh giá trên lớp học và trên diện rộng, kết hợp đánh giá với giảng dạy trên lớp, phân tích và báo cáo kết quả đánh giá, sử dụng kết quả kiểm tra đánh giá trong việc đưa phản hồi cho học sinh và tập lập hồ trợ giảng dạy, và cách thức kiểm tra đánh giá các thành tố ngôn ngữ và kỹ năng ngôn ngữ cụ thể. Học viên được khuyến khích phát triển tư duy phê phán về kiểm tra đánh giá và đưa ra các giải pháp cho các vấn đề kiểm tra đánh giá trong bối cảnh làm việc cụ thể của họ.

Góp phần giúp người học đạt các CDR A2, B1,B2, B3, C3 và C4 trong chương trình đào tạo cử nhân ngôn ngữ Anh, chuyên ngành Anh-Anh, Anh-Nhật, Anh-Hàn và Anh-Thương Mại.

2. Các chữ viết tắt

G: Mục tiêu học phần

TT: Thuyết trình

CDR: Chuẩn đầu ra môn học

TN: Trắc nghiệm

BTL: Bài tập lớn

3. Chuẩn đầu ra của học phần:

Chuẩn đầu ra

Mô tả

- a1 **Nắm vững nội dung và ý nghĩa của kiểm tra đánh giá ngôn ngữ trong quá trình giảng dạy ngôn ngữ;**
- a2 **Nắm vững các khái niệm căn bản về kiểm tra đánh giá được giới thiệu trong chương trình.**
- a3 **Hiểu biết căn bản về các vấn đề chính trong lý thuyết và thực hành kiểm tra đánh giá được giới thiệu trong chương trình.**
- a4 **Nắm vững cơ sở lý luận cần thiết về kiểm tra đánh giá ngoại ngữ trong việc xác định mục đích đánh giá, lập kế hoạch, thực hiện kiểm tra đánh giá, và thẩm định chất lượng công tác kiểm tra đánh giá cũng như kết quả kiểm tra đánh giá trong bối cảnh làm việc cụ thể của mình.**
- a5 **Nắm vững mối quan hệ chặt chẽ giữa kiểm tra đánh giá và quá trình học tập của học sinh và nắm vững các nguyên tắc kiểm tra đánh giá kết quả học tập (assessment of learning) và kiểm tra đánh giá để hỗ trợ học tập (assessment for learning).**
- b1 **Lựa chọn, điều chỉnh và thiết kế được công cụ kiểm tra đánh giá khác nhau phù hợp với mục đích đánh giá, tuân thủ các nguyên tắc kiểm tra đánh giá và đạt tiêu chí chất lượng của công cụ.**
- b2 **Phân tích các chỉ số thống kê cơ bản của kết quả kiểm tra đánh giá để đưa ra các nhận định về học sinh, về công cụ kiểm tra đánh giá và các thành phần khác của quá trình đánh giá.**
- b3 **Phát triển/Áp dụng công cụ kiểm tra đánh giá để hỗ trợ học tập đối với từng thành tố ngôn ngữ (ngữ pháp, ngữ âm, từ vựng) và kỹ năng (nghe, nói, đọc, và viết) cụ thể.**
- b4 **Cung cấp phản hồi, nhận xét cho học sinh theo các khung tham chiếu lấy người học làm trung tâm.**
- c1 **Có thái độ tích cực về công tác kiểm tra đánh giá trong quá trình giảng dạy ngôn ngữ.**
- c2 **Tự tin tham gia thảo luận về các chủ đề liên quan tới kiểm tra đánh giá năng lực ngôn ngữ.**
- c3 **Tự tin tiến hành kiểm tra đánh giá năng lực ngôn ngữ của học sinh trong quá trình giảng dạy.**
- c4 **Có ý thức đạo đức và công bằng trong thực hiện hoạt động kiểm tra đánh giá năng lực ngôn ngữ trong bối cảnh giảng dạy cụ thể của mình**

4. Giáo trình và tài liệu học tập:

4.1. Giáo trình và tài liệu học tập

Hughes, A. (2003). Testing for language teachers. Cambridge: Cambridge University Press

4.2 Tài liệu tham khảo

Alderson, Charles (2000). Assessing reading. Cambridge: Cambridge University Press.

Bachman, L.F. (2005). Statistical analysis for language assessment. Cambridge: Cambridge University Press.

Bachman, L.F. & Palmer, A.S. (1996). Language testing in practice. Oxford: Oxford University Press.

Brown, D. H. (2004). Language assessment: Principles and classroom Practices. New York: Longman.

Brown, J. D. (2005). Testing in language program: A comprehensive guide to English language assessment (New ed.).New York: McGraw-Hill

5. Chiến lược học tập:

Sinh viên cần tích cực và chủ động tham gia vào quá trình học tập, cần tham gia đầy đủ các giờ học theo quy định, không ngừng phấn đấu để duy trì tiến bộ liên tục trong học tập, hoàn thành nhiệm vụ học tập đúng tiến độ. Để hoàn thành tốt học phần này sinh viên cần:

- Sinh viên cần dành nhiều thời gian và công sức để hiểu nội dung bài học trong tài liệu được cung cấp. Sinh viên cần xem lại các bài đọc sau giờ học bên cạnh việc đọc bài trước khi đến lớp.
- Sinh viên cần có kỹ năng tổng hợp, phân tích dữ liệu khi nghiên cứu bài đọc, có kỹ năng hiểu và vận dụng lý thuyết vào thực tế, chủ động và tích cực trong các hoạt động nhóm và thuyết trình trên lớp.
- Sinh viên nghiên cứu thêm các sách tham khảo một cách hợp lý và hiệu quả nhất
- Sinh viên chủ động liên lạc với giáo viên về các vấn đề còn vướng mắc trong quá trình nghiên cứu (gặp trực tiếp hoặc qua email)
- Thường xuyên trao đổi với các bạn cùng nhóm và cùng lớp các vấn đề của môn học

6. Nội dung và kế hoạch giảng dạy, đánh giá

| Nội dung và kế hoạch giảng dạy, đánh giá | Hoạt động học tập của người học | | | | Chuẩn đầu ra |
|--|--|--------|--|----|--|
| | Trên lớp | S T | Tự học | SG | |
| 1. Bản chất và mục đích của kiểm tra đánh giá trong bối cảnh 1.1. Mục đích của kiểm tra đánh giá ngôn ngữ 1.2. Kiểm tra và đánh giá ngôn ngữ trong các hệ thống giáo dục 1.3. Kiểm tra và đánh giá ngôn ngữ trong xã hội 1.4. Mối liên hệ giữa kiểm tra đánh giá và việc dạy và học 1.5. Những hậu quả không mong đợi của kiểm tra đánh giá 1.6. Tính chuyên nghiệp trong kiểm tra đánh giá ngôn ngữ | <ul style="list-style-type: none">• Nghiên cứu kỹ tài liệu được phát trước khi đến lớp, đánh dấu và đặt các câu hỏi liên quan đến nội dung bài học mà mình còn thắc mắc.• Đọc các tài liệu có liên quan để hiểu sâu sắc hơn về bài học.• Đóng góp thích hợp cho các hoạt động thảo luận nhóm nhỏ và lớn• Có khả năng trả lời thích hợp các câu hỏi, nhận xét và thảo luận của bạn cùng lớp. | 3 | <ul style="list-style-type: none">• Đọc tài liệu trước khi đến lớp• Ghi chép lại phần mình đã đọc theo một cách dễ hiểu nhất• Đọc lại bài Giáo viên đã dạy trên lớp, đánh dấu phần mình vẫn chưa hiểu để trao đổi với giáo viên và các bạn• Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề trong học tập, nhờ đó sinh viên sẽ hiểu bài tốt hơn• Tích cực chủ động tham gia các hoạt động nhóm phục vụ cho hoạt động thuyết trình trên lớp. | 12 | a1,a2, a3, a4,a5 b1,b2, b3,b4 c1,c2, c3,c4 |
| 2. Các lý thuyết về | <ul style="list-style-type: none">• Thuyết trình vấn đề | 3 | <ul style="list-style-type: none">• Sưu tầm các thuật đề | 12 | a1,a2, |

| | | | | | |
|--|---|---|---|----|---|
| <p>kiểm tra và đánh giá ngôn ngữ</p> <p>2.1. Định nghĩa năng lực ngôn ngữ</p> <p>2.2. Các biện pháp đo lường năng lực ngôn ngữ</p> <p>2.3. Lý thuyết đo lường cổ điển</p> <p>2.4. Lý thuyết đo lường hiện đại</p> | <p>được giao, tra cứu mạng, đọc thêm sách tham khảo để hiểu vấn đề mình cần trình bày tốt hơn.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Trình bày vấn đề được giao một cách cô đọng và súc tích nhất, lôi cuốn các bạn thảo luận vấn đề của nhóm mình • luyện kỹ năng trả lời các câu hỏi follow-up của phần thuyết trình một cách khoa học và kỹ lưỡng đến mức có thể. | | <p>giảng dạy phần phát âm.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Đọc tài liệu trước khi đến lớp • Ghi chép lại phần mình đã đọc theo một cách dễ hiểu nhất • Đọc lại bài Giáo viên đã dạy trên lớp, đánh dấu phần mình vẫn chưa hiểu để trao đổi với giáo viên và các bạn • Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề trong học tập, nhờ đó sinh viên sẽ hiểu bài tốt hơn • Tích cực chủ động tham gia các hoạt động nhóm phục vụ cho hoạt động thuyết trình trên lớp. | | <p>a3, a4,a5 b1,b2, b3,b4 c1,c2, c3,c4</p> |
| <p>3. Các nguyên tắc cơ bản của kiểm tra đánh giá ngôn ngữ</p> <p>3.1. Các nguyên tắc cơ bản của kiểm tra đánh giá ngôn ngữ</p> <p>3.2. Các yêu cầu về chất lượng của kiểm tra đánh giá ngôn ngữ</p> <p>3.3. Độ tin cậy</p> <p>3.4. Độ giá trị</p> <p>3.5. Độ thực tiễn</p> <p>3.6. Tác động của kiểm tra đánh giá</p> | <ul style="list-style-type: none"> • Chú ý đến các bảng tóm tắt, các sơ đồ và các tài liệu trực quan khác mà giảng viên đã giới thiệu, vì đây là lúc người thầy hệ thống hóa, so sánh, phân tích... để đi đến kết luận và rút ra cái mới. • Tóm tắt nội dung bài học bằng cách viết sơ đồ tư duy. • Trình bày vấn đề được giao một cách cô đọng và súc tích nhất, lôi cuốn các bạn thảo luận vấn đề của nhóm mình • luyện kỹ năng trả lời các câu hỏi follow-up của phần thuyết trình một cách khoa học và kỹ lưỡng đến mức có thể. | 3 | <ul style="list-style-type: none"> • Đọc tài liệu trước khi đến lớp • Ghi chép lại phần mình đã đọc theo một cách dễ hiểu nhất • Đọc lại bài Giáo viên đã dạy trên lớp, đánh dấu phần mình vẫn chưa hiểu để trao đổi với giáo viên và các bạn • Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề trong học tập, nhờ đó sinh viên sẽ hiểu bài tốt hơn • Tích cực chủ động tham gia các hoạt động nhóm phục vụ cho hoạt động thuyết trình trên lớp. | 12 | <p>a1,a2, a3, a4,a5 b1,b2, b3,b4 c1,c2, c3,c4</p> |
| <p>4. Kiểm tra chuẩn hóa</p> <p>4.1. Hai hệ thuyết</p> <p>4.2. Kiểm tra như là một khoa học</p> <p>4.3. Điểm số và ý nghĩa của điểm số</p> <p>4.4. Cách tính độ tin cậy, độ khó và độ phân biệt</p> <p>4.5. Mối quan hệ giữa điểm số và điểm từ các công cụ đo khác</p> <p>4.6. Đánh giá theo</p> | <ul style="list-style-type: none"> • Thuyết trình vấn đề được giao, tra cứu mạng, đọc thêm sách tham khảo để hiểu vấn đề mình cần trình bày tốt hơn. • Trình bày vấn đề được giao một cách cô đọng và súc tích nhất, lôi cuốn các bạn thảo luận vấn đề của nhóm mình • luyện kỹ năng trả lời các câu hỏi follow-up của phần thuyết trình một cách khoa học và kỹ lưỡng | | <ul style="list-style-type: none"> • Đọc tài liệu trước khi đến lớp Ghi chép lại phần mình đã đọc theo một cách dễ hiểu nhất • Đọc lại bài Giáo viên đã dạy trên lớp, đánh dấu phần mình vẫn chưa hiểu để trao đổi với giáo viên và các bạn • Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề trong học tập, nhờ đó sinh viên sẽ hiểu bài tốt hơn • Tích cực chủ động tham | 12 | <p>a1,a2, a3, a4,a5 b1,b2, b3,b4 c1,c2, c3,c4</p> |

| | | | | | |
|---|---|---|---|----|--|
| chuẩn và đánh giá theo tiêu chí | đến mức có thể. | | gia các hoạt động nhóm phục vụ cho hoạt động thuyết trình trên lớp | | |
| 5. Đánh giá trong lớp học 5.1. Đánh giá để hỗ trợ học tập 5.2. Tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng 5.3. Đánh giá năng động 5.4. Các biện pháp đánh giá trong lớp học khác | <ul style="list-style-type: none"> Thuyết trình vấn đề được giao, tra cứu mạng, đọc thêm sách tham khảo để hiểu vấn đề mình cần trình bày tốt hơn. Trình bày vấn đề được giao một cách cô đọng và súc tích nhất, lôi cuốn các bạn thảo luận vấn đề của nhóm mình luyện kỹ năng trả lời các câu hỏi follow-up của phần thuyết trình một cách khoa học và kỹ lưỡng đến mức có thể. | 3 | <ul style="list-style-type: none"> Đọc tài liệu trước khi đến lớp Ghi chép lại phần mình đã đọc theo một cách dễ hiểu nhất Đọc lại bài Giáo viên đã dạy trên lớp, đánh dấu phần mình vẫn chưa hiểu để trao đổi với giáo viên và các bạn Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề trong học tập, nhờ đó sinh viên sẽ hiểu bài tốt hơn Tích cực chủ động tham gia các hoạt động nhóm phục vụ cho hoạt động thuyết trình trên lớp | 12 | a1,a2, a3, a4,a5 b1,b2, b3,b4 c1,c2, c3,c4 |
| 6. Các bước của quy trình xây dựng công cụ kiểm tra đánh giá 6.1. Xác định mục đích và mục tiêu kiểm tra đánh giá 6.2. Quyết định lựa chọn, điều chỉnh hay xây dựng công cụ 6.3. Lập kế hoạch 6.4. Thiết kế 6.5. Xây dựng ma trận và Bảng đặc tính kỹ thuật đề kiểm tra 6.6. Viết tiểu mục và nhiệm vụ kiểm tra 6.7. Thử nghiệm tiểu mục và nhiệm vụ kiểm tra 6.8. Xác trị điểm số 6.9. Biên tập công cụ kiểm tra đánh giá | <ul style="list-style-type: none"> Thuyết trình vấn đề được giao, tra cứu mạng, đọc thêm sách tham khảo để hiểu vấn đề mình cần trình bày tốt hơn. Trình bày vấn đề được giao một cách cô đọng và súc tích nhất, lôi cuốn các bạn thảo luận vấn đề của nhóm mình luyện kỹ năng trả lời các câu hỏi follow-up của phần thuyết trình một cách khoa học và kỹ lưỡng đến mức có thể. | 3 | <ul style="list-style-type: none"> Đọc tài liệu trước khi đến lớp Ghi chép lại phần mình đã đọc theo một cách dễ hiểu nhất Đọc lại bài Giáo viên đã dạy trên lớp, đánh dấu phần mình vẫn chưa hiểu để trao đổi với giáo viên và các bạn Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề trong học tập, nhờ đó sinh viên sẽ hiểu bài tốt hơn Tích cực chủ động tham gia các hoạt động nhóm phục vụ cho hoạt động thuyết trình trên lớp | 12 | a1,a2, a3, a4,a5 b1,b2, b3,b4 c1,c2, c3,c4 |
| 7. Chấm, phân tích và báo điểm 7.1. Các phương pháp chấm điểm 7.2. Chấm điểm bài tự luận 7.3. Phân tích điểm kiểm tra đánh giá theo lý thuyết đo lường cổ điển 7.4. Phân tích điểm kiểm tra đánh giá | <ul style="list-style-type: none"> Thuyết trình vấn đề được giao, tra cứu mạng, đọc thêm sách tham khảo để hiểu vấn đề mình cần trình bày tốt hơn. Trình bày vấn đề được giao một cách cô đọng và súc tích nhất, lôi cuốn các bạn thảo luận vấn đề của nhóm mình luyện kỹ năng trả lời các câu hỏi follow-up của | 3 | <ul style="list-style-type: none"> Đọc tài liệu trước khi đến lớp Ghi chép lại phần mình đã đọc theo một cách dễ hiểu nhất Đọc lại bài Giáo viên đã dạy trên lớp, đánh dấu phần mình vẫn chưa hiểu để trao đổi với giáo viên và các bạn Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề trong học tập, nhờ đó | 12 | a1,a2, a3, a4,a5 b1,b2, b3,b4 c1,c2, c3,c4 |

| | | | | | |
|--|---|-----------|--|------------|--|
| theo lý thuyết ứng đáp câu hỏi 7.5. Thông báo điểm số 7.6. Phản hồi cho người học | phản thuyết trình một cách khoa học và kĩ lưỡng đến mức có thể. | | sinh viên sẽ hiểu bài tốt hơn • Tích cực chủ động tham gia các hoạt động nhóm phục vụ cho hoạt động thuyết trình trên lớp | | |
| 8. Kiểm tra đánh giá các thành tố ngôn ngữ 8.1. Phương pháp và cách thức kiểm tra đánh giá ngữ pháp 8.2. Phương pháp và cách thức kiểm tra đánh giá ngữ âm 8.3. Phương pháp và cách thức kiểm tra đánh giá từ vựng | <ul style="list-style-type: none"> Thuyết trình vấn đề được giao, tra cứu mạng, đọc thêm sách tham khảo để hiểu vấn đề mình cần trình bày tốt hơn. Trình bày vấn đề được giao một cách cô đọng và súc tích nhất, lôi cuốn các bạn thảo luận vấn đề của nhóm mình luyện kĩ năng trả lời các câu hỏi follow-up của phản thuyết trình một cách khoa học và kĩ lưỡng đến mức có thể. | 3 | <ul style="list-style-type: none"> Đọc tài liệu trước khi đến lớp Ghi chép lại phần mình đã đọc theo một cách dễ hiểu nhất Đọc lại bài Giáo viên đã dạy trên lớp, đánh dấu phần mình vẫn chưa hiểu để trao đổi với giáo viên và các bạn Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề trong học tập, nhờ đó sinh viên sẽ hiểu bài tốt hơn Tích cực chủ động tham gia các hoạt động nhóm phục vụ cho hoạt động thuyết trình trên lớp | 12 | a2.1,a2.2,a 2.3, b2.1,c3.1 |
| 9. Kiểm tra đánh giá các kỹ năng Nghe, nói, đọc, viết 9.1. Nội hàm của Kỹ năng Nghe, nói, đọc, viết 9.2. Những yếu tố làm nên độ khó của tiểu mục Nghe, nói, đọc, viết 9.3. Phương pháp và cách thức kiểm tra đánh giá Kỹ năng Nghe, nói, đọc, viết | <ul style="list-style-type: none"> Thuyết trình vấn đề được giao, tra cứu mạng, đọc thêm sách tham khảo để hiểu vấn đề mình cần trình bày tốt hơn. Trình bày vấn đề được giao một cách cô đọng và súc tích nhất, lôi cuốn các bạn thảo luận vấn đề của nhóm mình luyện kĩ năng trả lời các câu hỏi follow-up của phản thuyết trình một cách khoa học và kĩ lưỡng đến mức có thể. | 3 | <ul style="list-style-type: none"> Đọc tài liệu trước khi đến lớp Ghi chép lại phần mình đã đọc theo một cách dễ hiểu nhất Đọc lại bài Giáo viên đã dạy trên lớp, đánh dấu phần mình vẫn chưa hiểu để trao đổi với giáo viên và các bạn Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề trong học tập, nhờ đó sinh viên sẽ hiểu bài tốt hơn Tích cực chủ động tham gia các hoạt động nhóm phục vụ cho hoạt động thuyết trình trên lớp | 12 | a1,a2, a3, a4,a5 b1,b2, b3,b4 c1,c2, c3,c4 |
| REVISION | Sinh viên ôn tập các kiến thức tổng quát qua các chương | 3 | Sinh viên ôn tập các kiến thức tổng quát qua các chương | 12 | a1,a2, a3, a4,a5 b1,b2, b3,b4 c1,c2, c3,c4 |
| Tổng số tiết/giờ học | | 30 | | 120 | |

7. Đánh giá kết quả học tập

Hoạt động đánh giá của học phần gồm:

| Phân loại | Phương pháp đánh giá | Tỷ trọng | Chuẩn đầu ra | | | | | | | | | | | | |
|-------------------|--------------------------------|----------|--------------|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|
| | | | a1 | a2 | a3 | a4 | a5 | b1 | b2 | b3 | b4 | c1 | c2 | c3 | c4 |
| Quá trình | ĐG1. Tự luận | 25% | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X |
| | ĐG2. Tự luận | 25% | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X |
| Kết thúc học phần | ĐG3. Bài thi kết thúc học phần | 50% | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X |
| <i>Tổng cộng:</i> | | 100% | | | | | | | | | | | | | |

8. Hoạt động đánh giá

8.1. Hoạt động đánh giá 1 - Chuẩn đầu ra: a1, a2,b1,b2,c1,c2 Tỷ lệ: 25% điểm học phần

- Hình thức đánh giá: Tự luận
- Mô tả bài đánh giá 1: Đánh giá khả năng tiếp thu kiến thức đã học về kiểm tra đánh giá (bài số 1 đến 5)

8.2. Hoạt động đánh giá 2 - Chuẩn đầu ra: a1, a2,b3,b4,c3,c4 Tỷ lệ 25% điểm học phần

- Hình thức đánh giá: Tự luận
- Mô tả bài đánh giá 1: Đánh giá khả năng tiếp thu kiến thức đã học về kiểm tra đánh giá (bài số 6 đến 10)

8.3. Hoạt động đánh giá 3 – tỷ lệ chiếm 50% điểm học phần

Hình thức: Bài thi cuối kì kết thúc học phần

- Hình thức đánh giá: Project
- Mục đích:
 - o Đánh giá năng lực ghi nhớ kiến thức về kiểm tra đánh giá
 - o Đánh giá năng lực áp dụng kiến thức về kiểm tra đánh giá vào thực tiễn
 - o Đánh giá khả năng làm việc độc lập
- Bài thi cuối kì được tính theo thang điểm 10

Chuẩn đầu ra: a1;a2;a3;b1;b2; b3; b4; c1; c2; c3; c4

8.4. Ma trận đánh giá

| Tiêu chí đánh giá | Khung điểm | | | | |
|--|--------------|------------------|---------------------------|------------------------|----------------------------|
| | A | B | C | D | F |
| | 8,5 ÷ 10 | 7,0 ÷ 8,4 | 5,5 ÷ 6,9 | 4,0 ÷ 5,4 | < 4,0 |
| Nắm vững nội dung và ý nghĩa của kiểm tra đánh giá ngôn ngữ trong quá trình giảng dạy ngôn ngữ; | Thể hiện tốt | Thể hiện khá tốt | Thể hiện ở mức trung bình | Thể hiện ở mức hạn chế | Thể hiện ở mức rất hạn chế |
| - Nắm vững các khái niệm căn bản về kiểm tra đánh giá được giới thiệu trong chương trình. | Thể hiện tốt | Thể hiện khá tốt | Thể hiện ở mức trung bình | Thể hiện ở mức hạn chế | Thể hiện ở mức rất hạn chế |
| - Hiểu biết căn bản về các vấn đề chính trong lý thuyết và thực hành kiểm tra đánh giá được giới thiệu trong chương trình. | Thể hiện tốt | Thể hiện khá tốt | Thể hiện ở mức trung bình | Thể hiện ở mức hạn chế | Thể hiện ở mức rất hạn chế |
| - Nắm vững cơ sở lý luận cần thiết về kiểm tra đánh giá ngoại ngữ trong việc xác định mục đích đánh giá, lập kế hoạch, thực hiện kiểm tra đánh giá, và thẩm định chất lượng công tác kiểm tra đánh giá cũng như kết quả kiểm tra đánh giá trong bối cảnh làm việc cụ thể của mình. | Thể hiện tốt | Thể hiện khá tốt | Thể hiện ở mức trung bình | Thể hiện ở mức hạn chế | Thể hiện ở mức rất hạn chế |
| - Nắm vững mối quan hệ chặt chẽ giữa kiểm tra đánh giá và quá trình học tập của học sinh và nắm vững | Thể hiện tốt | Thể hiện khá tốt | Thể hiện ở mức trung bình | Thể hiện ở mức hạn chế | Thể hiện ở mức rất hạn chế |

| Tiêu chí đánh giá | Khung điểm | | | | |
|--|--------------|------------------|---------------------------|------------------------|----------------------------|
| | A | B | C | D | F |
| | 8,5 ÷ 10 | 7,0 ÷ 8,4 | 5,5 ÷ 6,9 | 4,0 ÷ 5,4 | < 4,0 |
| các nguyên tắc kiểm tra đánh giá kết quả học tập (assessment of learning) và kiểm tra đánh giá để hỗ trợ học tập (assessment for learning). | | | | | |
| - Lựa chọn, điều chỉnh và thiết kế được công cụ kiểm tra đánh giá khác nhau phù hợp với mục đích đánh giá, tuân thủ các nguyên tắc kiểm tra đánh giá và đạt tiêu chí chất lượng của công cụ. | Thể hiện tốt | Thể hiện khá tốt | Thể hiện ở mức trung bình | Thể hiện ở mức hạn chế | Thể hiện ở mức rất hạn chế |
| - Phân tích các chỉ số thống kê cơ bản của kết quả kiểm tra đánh giá để đưa ra các nhận định về học sinh, về công cụ kiểm tra đánh giá và các thành phần khác của quá trình đánh giá. | Thể hiện tốt | Thể hiện khá tốt | Thể hiện ở mức trung bình | Thể hiện ở mức hạn chế | Thể hiện ở mức rất hạn chế |
| - Phát triển/Áp dụng công cụ kiểm tra đánh giá để hỗ trợ học tập đối với từng thành tố ngôn ngữ (ngữ pháp, ngữ âm, từ vựng) và kỹ năng (nghe, nói, đọc, và viết) cụ thể. | Áp dụng tốt | Áp dụng khá tốt | Áp dụng ở mức trung bình | Áp dụng ở mức hạn chế | Áp dụng ở mức rất hạn chế |
| - Cung cấp phản hồi, nhận xét cho học sinh theo các khung tham chiếu lấy người học làm trung tâm. | Thể hiện tốt | Thể hiện khá tốt | Thể hiện ở mức trung bình | Thể hiện ở mức hạn chế | Thể hiện ở mức rất hạn chế |
| - Có thái độ tích cực về công tác kiểm tra đánh giá trong quá trình giảng dạy ngôn ngữ. | Thể hiện tốt | Thể hiện khá tốt | Thể hiện ở mức trung bình | Thể hiện ở mức hạn chế | Thể hiện ở mức rất hạn chế |
| - Tự tin tham gia thảo luận về các chủ đề liên quan tới kiểm tra đánh giá năng lực ngôn ngữ. | Thể hiện tốt | Thể hiện khá tốt | Thể hiện ở mức trung bình | Thể hiện ở mức hạn chế | Thể hiện ở mức rất hạn chế |
| - Tự tin tiến hành kiểm tra đánh giá năng lực ngôn ngữ của học sinh trong quá trình giảng dạy. | Thể hiện tốt | Thể hiện khá tốt | Thể hiện ở mức trung bình | Thể hiện ở mức hạn chế | Thể hiện ở mức rất hạn chế |
| - Có ý thức đạo đức và công bằng trong thực hiện hoạt động kiểm tra đánh giá năng lực ngôn ngữ trong bối cảnh giảng dạy cụ thể của mình | Thể hiện tốt | Thể hiện khá tốt | Thể hiện ở mức trung bình | Thể hiện ở mức hạn chế | Thể hiện ở mức rất hạn chế |

8.5 Cách tính kết quả học tập chung của học phần

$$\Sigma = \text{Đánh giá 1} * 25\% + \text{Đánh giá 2} * 25\% + \text{bài kiểm tra cuối kì} * 50\%$$

100

9. Các phương tiện, trang thiết bị dạy và học

Yêu cầu về điều kiện để tổ chức giảng dạy môn học (giảng đường, phòng máy,...):

Phòng học với diện tích phù hợp, yên tĩnh, được trang bị đầy đủ thiết bị như:

+ bàn ghế, phấn bảng, đèn, quạt, điều hòa

+ projector

+ Loa, Đài cassette

+ Lớp học không quá 35 sinh viên

Yêu cầu đối với sinh viên:

+ Dự lớp : tối thiểu 70% thời lượng môn học.

- + Bài tập : Sinh viên phải hoàn thành toàn bộ bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- + Có đầy đủ giáo trình và tài liệu học tập (băng, đĩa).
- + Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của môn học được ghi trong đề cương môn học
- + Tham dự đầy đủ các buổi học, tích cực tham gia xây dựng bài
- + Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kỳ
- + Chuẩn bị bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn trong đề cương môn học

10. An toàn của sinh viên và giảng viên

An toàn lớp học. An toàn PCCC và cứu hộ cứu nạn. Chống bạo lực học đường

11. Kỷ luật, khiếu nại và hỗ trợ

Sinh viên gặp bất kỳ khó khăn gì trong quá trình học tập có thể liên hệ trực tiếp với giảng viên, Trưởng khoa/bộ môn, Văn phòng hỗ trợ sinh viên, Phòng Đào tạo, Ban Thanh tra của Nhà trường để được hướng dẫn, hỗ trợ.

**Chủ tịch Hội đồng
xây dựng CTĐT ngành**

Hải Phòng, ngày ... tháng năm 2023
Người biên soạn

TS. Trần Thị Ngọc Liên

TS Trần Thị Ngọc Liên